

A. Tập đọc và viết chính tả

Thỏ và Rùa

Một hôm khi Thỏ và Rùa đang nói chuyện với nhau, Thỏ **khoe khoang** về mình:

“Tôi có thể **phóng** nhanh như gió. Thật **tội nghiệp** cho bạn. Bạn quá chậm! Tôi chưa thấy ai chậm như bạn.”

Rùa mỉm cười trả lời: “Anh nghĩ vậy sao? Tôi sẽ chạy đua với anh tới **cây cổ thụ** bên kia cánh đồng.”

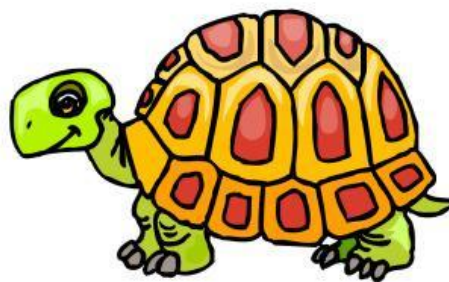
Rùa **từ từ nhấc** từng chân lên xoay mình về hướng cây cổ thụ.

Thỏ cười **chế nhạo**: “Bạn thật biết giỡn chơi! Chắc chắn bạn sẽ thua, nhưng nếu bạn muốn thì tôi sẽ chạy đua với bạn.”

Rùa gật đầu lịch sự: “Tôi bắt đầu chạy đây.” Rùa bước xuống cánh đồng một cách chậm rãi và đều đặn.

Thỏ nhìn Rùa cười lớn: “Chạy như vậy mà đòi đua với tôi. Thật là **nực cười**!” Thỏ **ưỡn ngực** ra hãnh diện nghĩ: “Mình sẽ nằm đây ngủ một giấc chờ con rùa tội nghiệp kia **lết** qua cánh đồng. Khi hẵn tới giữa cánh đồng thì mình thức dậy cũng không muộn.”

Rùa cứ từng bước chậm rãi đi tới cây cổ thụ. Khoảng lúc sau, Thỏ giật mình tỉnh giấc thì thấy Rùa đã tới gốc cây cổ thụ. Rùa đã thắng.



Ngữ vựng:

khoe khoang: to brag, boast; **phóng**: to jump forward;

tội nghiệp: to have pity (on someone); **cây cổ thụ**: old tree; **từ từ**: slowly; **nhấc**: to lift; **chế nhạo**: to ridicule;

nực cười: funny; **ưỡn ngực**: to throw out one's chest;

lết: to drag.

B. Trả lời câu hỏi

1. Thỏ khoe khoang về mình thế nào?

2. Rùa muốn thi đua với Thỏ thế nào?

3. Thỏ làm gì khi Rùa bắt đầu đi qua cánh đồng?



4. Ai đã thắng cuộc thi chạy đua?

5. Câu truyện dạy cho chúng ta bài học thế nào?



C. Phân biệt từ ngữ

Phóng:

Thỏ phóng

Phóng viên

Phóng phi đạn

Phóng sự

Phóng phi thuyền

Phóng đại



Lớp 5

Tên: _____

Tội:

Tội nghiệp

Hỏi tội

Tội lỗi

Vô tội

Tội ác

Tha tội

Tội phạm

Kết tội

Cổ:

Cổ thụ

Cổ động (to launch

Cổ họng

Cổ điển

a propaganda)

Cổ tay

Cổ kính

Cổ vũ (to cheer)

Cổ tích

Cái cổ

Chế:

Chế nhạo

Chế biến

Chế thêm dầu

Chế giễu

Bào chế

Châm chế

Chế tạo (to
manufacture)

Chế độ (regime)

Chế ngự

Nực:

Nực cười

Nực mũi (thơm)

(thơm) nực mũi

Nóng nực

Nực nội

Cười:

Cười chê

Cười sảng sặc

Cười cợt

Cười khúc khích

Cười duyên

Cười giòn

Cười gượng

Cười khi dễ

Cười mỉm chi

Cười trừ



Tìm ý nghĩa thích hợp cho mỗi chữ

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. (ngựa) phóng _____ | a. truyện thời xưa truyền trong dân gian |
| 2. phóng viên _____ | b. làm ra một vật gì |
| 3. tội ác _____ | c. cười với dáng e lệ |
| 4. vô tội _____ | d. khuyến khích, làm lên tinh thần |
| 5. cổ tích _____ | đ. cười thành tiếng kéo dài |
| 6. cổ võ _____ | e. nhảy một bước xa |
| 7. chế tạo _____ | g. không có tội |
| 8. chế độ _____ | h. có quá nhiều một mùi |
| 9. nóng nực _____ | k. hình thức tổ chức xã hội |
| 10. nực mùi _____ | l. người đi tìm và viết tin tức |
| 11. cười duyên _____ | m. hành vi phạm luật |
| 12. cười giòn _____ | n. nóng ẩm gây khó chịu |

D. Văn phạm

1. Câu: là một nhóm chữ diễn tả đầy đủ ý nghĩa.

- Thí dụ:
- Trời mưa tầm tã. (câu)
 - Em có đôi giày mới. (câu)
 - Xe hơi của ba (không phải câu)
 - Tường chung quanh nhà (không phải câu)



Thực tập: Viết **C** trước một câu đầy đủ và **O** trước nhóm chữ không phải câu.

- _____ 1. Vui với nắng đẹp.
- _____ 2. Màu vàng của trái cam.

Lớp 5

Tên: _____

- _____ 3. Tí thích chơi đá banh.
- _____ 4. Ngày mai có nghỉ học không?
- _____ 5. Chúng ta cùng hát quốc ca.
- _____ 6. Một thầy giáo mới cho lớp toán.
- _____ 7. Những ngày nắng đẹp mùa xuân.
- _____ 8. Máy in đã bị hư.
- _____ 9. Tin cộng đồng của báo Việt Tin.
- _____ 10. Con sư tử đang rình đàn nai.
- _____ 11. Canh rau đay với cà pháo.
- _____ 12. Tiếng còi hụ của xe lửa.
- _____ 13. Con đã chọc em bé khóc phải không?
- _____ 14. Hai con kết trong chuồng.
- _____ 15. Nhớ làm bài tập đầy đủ.



2. Viết hoa

• Chữ đầu câu

- Tôi sẽ ghé thăm anh.

• Tên riêng

- Ngô Quyền, Nguyễn Tri Phương, Lê Lợi, Nguyễn Huệ...

• Ngôn ngữ

- tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha...

• Tên quốc gia

- Việt Nam, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Mễ Tây Cơ, Thụy Sĩ...

• Nơi chốn

- Thành phố **S**ài **G**òn, sông **Đ**ồng **N**ai, trường tiểu học **T**hanh **B**ình, chợ **H**ưng **P**hát, quận **T**ân **B**ình...

Thực tập: Gạch dưới những chữ cần viết hoa.

Thí dụ: - em và bạn trần công chính học chung lớp tiếng việt.

1. nhà ông tuần và ông bảo ở trên đường Nguyễn Trãi.
2. cô Thu Thủy là người nói tiếng Anh giỏi nhất trong gia đình bác Thanh.
3. anh Dũng ghi danh học võ Vovinam ở đường Gia Long.
4. tiệm sách quê hương nằm trên đường Trần Hưng Đạo.
5. em có hai bạn người Mỹ, một bạn người Hoa và một bạn người Phi.
6. cô Bạch sống ở bên Úc Đại Lợi. cô vừa mở tiệm phở. cô đặt tên tiệm phở là Ngô Quyền.
7. đi năm mới vào nhà thương Bình Dân ở đường Võ Tánh để sinh em bé.
8. anh Mạnh thích học tiếng Nhật vì anh quen nhiều bạn người Nhật.
9. Tại sao anh không hỏi thầy Quý về sông Hồng ở Việt Nam?
10. Đèo Hải Vân và Đèo Ngang là hai đèo thuộc về dãy núi Trường Sơn.



E. Tập đặt câu

Đặt câu với chữ viết hoa tự chọn

1. (tên riêng) _____

Lớp 5

Tên: _____

2. (ngôn ngữ) _____

3. (tên quốc gia) _____

4. (nơi chốn) _____

5. (nơi chốn) _____

G. Học thuộc lòng

Tục ngữ

- *Vẽ đường cho hươu chạy*
- *Ba voi không được bát nước xáo*

